TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 11/7/2019
"T/c hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Ngọc Thuận
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn; ông Vũ Quốc Phòng
***- Thư ký phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 20 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Minh H, sinh năm 1968; địa chỉ: Phố Đ (nay là tổ dân phố x), thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam;

*** Bị đơn:** anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm H (nay là tổ dân phố x), thị trấn H, huyện D, Hà Nam và chị Trần Thị L, sinh năm 1983; ĐKNKTT: xóm H (nay là tổ dân phố x), thị trấn H, huyện D, Hà Nam; Chỗ ở: Đội 10, thôn T, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Lã Văn H1, sinh năm 1967; địa chỉ: Phố Đ (nay là tổ dân phố x), thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam;

(Phiên tòa có mặt chị H, anh H1, vắng mặt đương sự khác)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Minh H trình bày: Chị khởi kiện vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L với yêu cầu đòi số tiền nợ gốc là 200.000.000đ. Vào ngày 08/9/2015 chị có cho vợ chồng anh B, chị L vay 200.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 08/9/2015 đến ngày 08/5/2016; anh B, chị L có viết giấy và ký xác nhận nợ, trong giấy vay này các bên không thỏa thuận lãi xuất tuy nhiên thỏa thuận lãi xuất bằng miệng theo lãi xuất ngân hàng 9%/năm; anh B, chị L đã trả cho chị lãi đến hết tháng 12/2015, khoảng 1.600.000đ/tháng, sau đó không trả lãi nữa. Nay để đảm bảo quyền lợi của mình

chị khởi kiện yêu cầu buộc anh B và chị L, phải thanh toán số tiền nợ gốc 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi tính từ tháng 01 năm 2016 đến khi xét xử với lãi suất 9% /năm.

Quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh xác nhận vợ chồng anh có vay của chị H nợ gốc 200.000.000đ và ký nhận nợ vào giấy vay tiền là chính xác, thời hạn vay từ ngày 08/9/2015 đến ngày 08/5/2016, thỏa thuận miệng lãi xuất 3 phẩy, vay từ năm 2012 để mở cửa hàng tạp hóa, cửa hàng quần áo nhưng làm ăn thua lỗ đến năm 2015 vợ chồng anh vợ nỡ nên mới viết lại giấy nhận nợ vào năm 2015 như chị H xuất trình. Khi vay hai vợ chồng cùng vay, lúc lấy tiền hai người lấy, hai người ký biên bản. Giấy tờ vay của năm 2012 anh không còn tài liệu chứng cứ này. Nay chị H đòi nợ vợ chồng anh số nợ trên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên đã làm thủ tục Thông báo thụ lý vụ án cho chị Trần Thị L triệu tập chị L làm việc nhiều lần nhưng chị L không có mặt; kết quả xác minh chị Trần Thị L đã vắng mặt tại địa phương từ trước khi Tòa án thụ lý vụ án, cho đến nay địa phương không biết chị L ở đâu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lã Văn H1: nhất trí quan điểm chị H trình bày ở trên và không có ý kiến gì thêm.

Tại phiên tòa: chị H khẳng định chỉ yêu cầu anh B, chị L trả tiền lãi từ ngày 01/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngoài ra chị giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh H, buộc anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L liên đới trả cho chị Nguyễn Minh H: tiền gốc: 200.000.000đ, tiền lãi trong hạn: 6.400.000đ; tiễn lãi quá hạn: 57.100.000đ. Tổng cộng: 263.500.000đ và tuyên án phí theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt anh Nguyễn Văn B, chị Trần Thị L tuy nhiên đây là lần thứ hai anh B, chị L vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh B, chị L tại phiên tòa.

Đối với chị Trần Thị L vắng mặt tại địa phương từ trước khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay vì thế Tòa án không làm việc được với chị L. Tòa án căn cứ khoản 3 điều 40 Bộ luật dân sự 2015 được hướng dẫn tại điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 giải quyết vụ án vắng mặt chị L.

[2] Xét yêu cầu đòi tiền nợ gốc của chị Nguyễn Minh H nhận thấy: căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, lời thừa nhận của bị đơn và tài liệu đương sự xuất trình có căn cứ khẳng định: vào ngày 08/9/2015 anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L có vay của chị Nguyễn Minh H số tiền 200.000.000đ là có thật, thời hạn trả nợ là ngày 08/5/2016. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh H đòi anh B, chị L tiền nợ gốc: 200.000.000đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tiền lãi: Mặc dù trong giấy vay tiền đương sự xuất trình không có thỏa thuận lãi tuy nhiên các đương sự đều thừa nhận có lãi nhưng mức lãi xuất các bên đưa ra là khác nhau, vì vậy hợp đồng này vẫn được tính lãi theo quy định tại khoản 2 điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và theo hướng dẫn tại điểm c khoản 1, khoản 3 điều 2 và khoản 2 điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể như sau:

Lãi trên nợ gốc trong hạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 08/5/2016 (04 tháng, 08 ngày), theo lãi suất 9%/năm = (200.000.000đ x 0,75%/tháng x 04 tháng) + (200.000.000đ x 0,025%/ngày x 08 ngày) = 6.400.000đ.

Lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 09/5/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/7/2019 (03 năm, 02 tháng, 02 ngày), theo lãi suất 9%/năm = (200.000.000đ x 0,75%/tháng x 38 tháng) + (200.000.000đ x 0,025%/ngày x 02 ngày) = 57.100.000đ.

Đối với quan điểm của anh Nguyễn Văn B cho rằng thời điểm vay từ năm 2012 với mức lãi xuất 3 phẩy nhưng không đưa ra được tài liệu gì trong khi chị H không thừa nhận nên không có cơ sở xem xét ý kiến của anh Bẩy.

[4] Về nghĩa vụ trả nợ: Anh B, chị L vay tiền trong thời kỳ hôn nhân nên khoản nợ này được xác định là nợ chung của hai vợ chồng vì vậy căn cứ điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2015; Điều 298 Bộ luật dân sự 2005 thì anh B, chị L phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho chị H.

[5] Về án phí: anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 26; 35; 39; 147; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự
- Điều 27, 37 Luật hôn nhân gia đình 2015
- Điều 298; 471; 474; 476; 478 Bộ luât dân sự 2005
- Điều 40 Bộ luật dân sự 2015
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016
- Điểm c khoản 1, khoản 3 điều 2 và khoản 2 điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Minh H đối với anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L. Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L phải liên đới trả nợ cho chị Nguyễn Minh H: Tiền nợ gốc: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng); tiền lãi: 63.500.000đ (Sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng); tổng cộng: 263.500.000đ (Hai trăm sáu mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L phải chịu: 13.175.000đ (Mười ba triệu một trăm bẩy mươi lăm ngàn đồng). Trả lại cho chị Nguyễn Minh H số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000390 ngày 15/01/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn B và chị Trần Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền lãi phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự chị Nguyễn Minh Hg, anh Lã Văn H1 có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn B, chị Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THA huyện Duy Tiên.;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Thuận